

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HNGĐ - ST
Ngày 16 - 8 - 2023
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Minh;
2. Ông Hoàng Văn Khiếu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: không.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/TB-XX ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 12, xã ĐQ, huyện LY, tỉnh YB; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Đức T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 12, xã ĐQ, huyện LY, tỉnh YB; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Chị Lương Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và Anh T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 07-01-2011 tại Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện LY, tỉnh YB, sau khi kết hôn Chị B và Anh T cùng nhau chung sống tại thôn 12, xã ĐQ, huyện LY, tỉnh YB. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đời sống hôn nhân thường xảy ra cãi vã không có tiếng nói chung trong cuộc sống, hiện Chị B và Anh T đã sống ly thân từ

tháng 4 năm 2023 đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh T.

Về con chung: Chị B và Anh T có hai con chung là Hoàng Quốc Trinh, sinh ngày 30-10-2011, Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 01-3-2017; sau khi ly hôn Chị B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo vào giao cháu Trinh cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng trong trường hợp nếu Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con thì chị cũng nhất trí, chị sẽ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng Anh T là 1.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Bàn Văn Tinh trình bày:

Anh công nhận lời trình bày của Chị B về thời gian, địa điểm kết hôn là đúng, anh và Chị B chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, Anh T xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình là do Chị B muốn đi làm việc tại thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái nhưng Anh T không nhất trí từ đó hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không có tiếng nói chung, Anh T và Chị B đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay Chị B có yêu cầu xin ly hôn Anh T nhất trí.

Về con chung: Anh và Chị B có hai con chung là Hoàng Quốc Trinh, sinh ngày 30-10-2011, Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 01-3-2017 hiện hai con chung đang được Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, về cấp dưỡng anh đề nghị Chị B cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh là 2.000.000 đồng/1 tháng, nếu Chị B có nguyện vọng nuôi hai con chung thì Anh T cũng nhất trí, anh sẽ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng Chị B là 2.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành phiên hoà giải, nhưng Anh T không có mặt tại Tòa án, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được và xét xử vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo đơn khởi kiện của Chị Lương Thị B, do bị đơn Anh T có hộ khẩu thường trú tại Thôn 12, xã ĐQ, huyện LY, tỉnh YB. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị B và Anh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị B và anh Bàn Văn Tỉnh kết hôn ngày 07-01-2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Quan, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 11, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của Chị B tháng 4 năm 2023 chị và Anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống cuộc sống chung thường xảy ra cãi vã, Chị B và Anh T đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay không quan tâm đến nhau nữa.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Trên thực tế vợ chồng Chị B và Anh T thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân là đúng thực tế.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa Chị B và Anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lương Thị B được ly hôn với anh Bàn Văn Tỉnh.

[3] Về con chung: Chị B và Anh T có hai con chung là Hoàng Quốc Trịnh, sinh ngày 30-10-2011, Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 01-3-2017 nguyện vọng của cháu Trịnh được ở với bố, khi ly hôn Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi, Anh T hiện có chỗ ở ổn định, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng trên một tháng, việc Anh T nhận nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Về cấp dưỡng nuôi con chung do hiện tại Chị B đang là lao động tự do tại xã Khánh Hòa, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái thu nhập khoảng 3.000.000 đồng/1 tháng, Chị B có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi hai con chung là 500.000 đồng/1tháng/1con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị B phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị B được ly hôn với anh Bàn Văn Tỉnh.

2. Về nuôi con chung: Anh Bàn Văn Tĩnh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Hoàng Quốc Trinh, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2011, Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2017 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi, Chị B cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng Anh T là 500.000 đồng/1 tháng/1 con chung, tính từ tháng 9 năm 2023 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Chị B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Chị Lương Thị B phải nộp 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai số: AA/2021/0003510 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn. Chị B còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm Chị B và Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã ĐQ;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh